

Market Today: Khối ngoại bất ngờ bán ròng trong phiên ATC

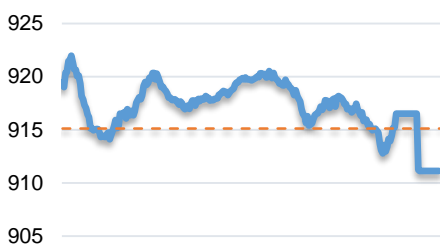
10/07/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

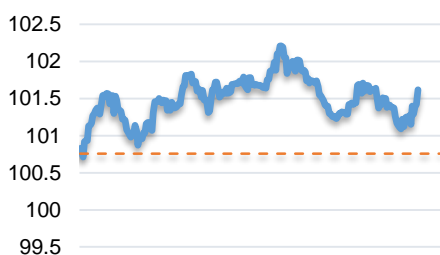
Rating	VNI	HNI	UPCoM
<b>Điểm</b>	911.1	101.6	49.6
% ngày	-0.44	0.86	0.48
% tuần	0.56	2.86	-0.86
% tháng	-12.31	-15.21	-7.92
% năm	18.86	1.25	-12.66
<b>GTGD (Triệu đồng)</b>			
Trong ngày	2,244.99	541.41	123.41
Hôm qua	3,222.99	580.40	141.51
TB 1 tháng	3,281.52	537.34	144.99
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	665.92	38.55	20.19
Bán	746.32	28.04	43.00
Giá trị ròng	(80.40)	10.51	(22.81)
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	116	70	70
Mã Giảm	141	63	63
Không Đổi	96	251	601
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.2x	10.8x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,906	192	817
LS Cổ tức	2.30	2.85	4.20

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



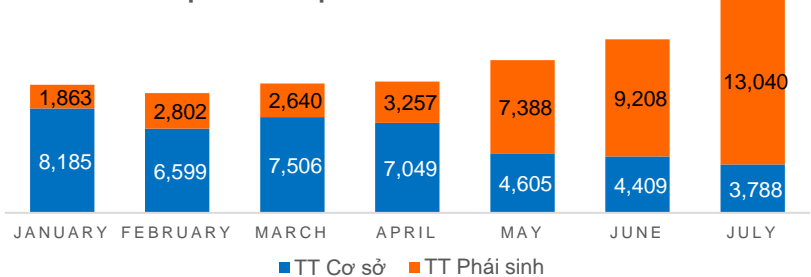
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tiếp tục ngược với diễn biến TTCK thế giới và khá bất ngờ khi cuối phiên chỉ số VN-Index đảo chiều giảm 0.44% còn 911.1 điểm vì lực bán mạnh tại phiên ATC ở các mã trụ có sức ảnh hưởng đến thị trường. Phiên giao dịch hôm nay, chỉ số HNX-Index và Upcom-Index đều tăng nhẹ ở mức 0.86% và 0.48%, đóng cửa lần lượt tại 101.6 điểm và 49.6 điểm.

Khối ngoại đã giảm nhẹ lượng bán ròng trong phiên với tổng giá trị khoảng 90 tỷ đồng. Điểm bất ngờ là khối ngoại bán ròng gần 96 tỷ trong phiên ATC và chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như VIC, VCB, MSN, GAS, SAB,...

Thanh khoản của thị trường cơ sở ngày càng kém khi trung bình những phiên giao dịch đầu tháng 07/2018 kém nhất trong những tháng gần đây. Thanh khoản chỉ bằng 46% so với tháng 01/2018. Trong khi đó, giá trị giao dịch của thị trường phái sinh thì tăng mạnh trong quý 2 và đặc biệt là giai đoạn đầu tháng 07/2018. Tổng giá trị giao dịch của các hợp đồng tương lai tăng gấp 7 lần so với tháng 01/2018.

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TRUNG BÌNH NĂM 2018



Bộ đôi VIC - VHM có vốn hoá nhất nhì thị trường nên khi giảm giá làm ảnh hưởng mạnh nhất tới chỉ số VN-Index. Cổ phiếu VCB bất ngờ bị bán mạnh trong phiên ATC, đảo chiều giảm giá và cùng với TCB, BVH, NVL thuộc nhóm những cổ phiếu kéo thị trường đi xuống. DXG đóng cửa gần sát giá sàn sau khi khớp gần 4,5 triệu đơn vị trong ngày hôm nay. Ở chiều ngược lại, VPB cùng VJC, BHN, BID là những mã cộng điểm cho chỉ số.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục biến động quanh mức 915 điểm của chỉ số VN-Index trong vài phiên tới. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật ngắn hạn, đồ thị giá vẫn đang trong nhịp hồi phục kỹ thuật ngắn hạn. Điểm tích cực là tâm lý nhà đầu tư tiếp tục tỏ ra lạc quan với xu hướng hiện tại, nhưng khối lượng giao dịch vẫn ở mức thấp cho thấy dòng tiền vẫn chưa hoàn toàn quay trở lại thị trường. Ngoài ra, khối ngoại có động thái giảm bán ròng trong các phiên giao dịch gần đây, điều này đang hỗ trợ tích cực cho tâm lý nhà đầu tư trong nước và tuần công bố KQKD Q2/2018 cũng hỗ trợ đáng kể tâm lý nhà đầu tư trong ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức kháng cự của hệ thống ở mức 949.90 điểm của chỉ số VN-Index và 104.65 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài và chưa nên mở vị thế mua mới ở giai đoạn hiện nay.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 12% cổ phiếu/88% tiền mặt.



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	915.0	997.0	895.0	830.0
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	102.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.85	GIẢM	GIẢM		19.31				22.42		
ACB	33.90	GIẢM	GIẢM		34.76				46.17		
BFC	25.20	GIẢM	GIẢM		26.45				31.31		
BHN	86.40	GIẢM	GIẢM		91.26				130.07		
BID	23.65	GIẢM	GIẢM		25.09				35.23		
BMP	55.10	GIẢM	GIẢM		60.85				63.44		
BSR	15.90	GIẢM	TĂNG		19.44						
BVH	72.00	GIẢM	GIẢM		78.82				102.55		
BWE	16.15	GIẢM	GIẢM		17.29				19.72		
CEO	12.20	GIẢM	GIẢM		13.41				17.84		
CHP	22.80	TĂNG	GIẢM	24.65	22.63	-7.51%			23.35		
CSM	13.00	GIẢM	TĂNG		14.27			14.80	12.77	-12.16%	
CTD	142.00	GIẢM	TĂNG		149.03			155.00	128.22	-8.39%	
CTG	22.35	GIẢM	GIẢM		23.55				31.58		
CTI	28.30	GIẢM	GIẢM		29.34				33.12		
CVT	24.25	GIẢM	GIẢM		25.32				33.98		
DGW	22.50	GIẢM	GIẢM		23.18			16.40	24.79	51.14%	BÁN
DHA	26.90	GIẢM	GIẢM		27.47				28.49		
DHC	40.00	GIẢM	GIẢM		43.71				46.93		
DHG	100.90	GIẢM	TĂNG		106.25			115.00	96.90	-12.26%	
DPG	45.90	GIẢM	GIẢM		53.98				62.77		
DPM	17.35	GIẢM	GIẢM		17.40				18.72		
DPR	38.60	GIẢM	GIẢM		39.80				42.17		
DQC	31.10	GIẢM	GIẢM		33.01				36.25		
DRC	22.00	GIẢM	GIẢM		23.91				23.95		
DXG	21.10	GIẢM	GIẢM		26.41			23.80	26.32	10.59%	BÁN
ELC	9.40	GIẢM	GIẢM		10.33				12.46		
FCN	15.70	GIẢM	TĂNG		17.13			17.70	13.88	-11.30%	
FIT	4.00	GIẢM	GIẢM		4.45				5.80		
FMC	20.10	GIẢM	GIẢM		21.14				24.44		
FPT	40.40	GIẢM	GIẢM		42.44				49.37		
GAS	80.00	GIẢM	GIẢM		85.02				111.01		
GIL	39.50	GIẢM	GIẢM		41.89			34.90	40.00	14.62%	
GMD	23.95	GIẢM	GIẢM		25.35				29.31		
GTN	8.70	GIẢM	GIẢM		9.19				11.18		
HAG	4.97	TĂNG	GIẢM	5.01	4.76	-0.80%			43.84		
HAX	16.90	GIẢM	GIẢM		17.02				18.67		
HBC	21.50	GIẢM	GIẢM		23.57			25.90	21.52	-16.91%	



We Create Fortune

HDB	35.10	GIẢM	GIẢM		37.11				44.56	
HNG	11.45	TĂNG	TĂNG	8.36	10.41	36.96%		8.20	10.80	39.63%
HPG	35.50	GIẢM	GIẢM		39.83			43.80	36.33	-17.06%
HSG	10.10	GIẢM	GIẢM		11.47				13.72	
HT1	11.00	GIẢM	GIẢM		11.64				13.92	
HUT	5.10	GIẢM	GIẢM		5.69				7.82	
HVN	30.20	GIẢM	GIẢM		32.49				40.09	
ITD	11.90	GIẢM	TĂNG		12.77			12.40	11.14	-4.03%
KBC	11.05	GIẢM	GIẢM		12.05				14.31	
KDH	29.40	GIẢM	GIẢM		30.68				35.78	
KSB	32.65	GIẢM	GIẢM		35.94				40.92	
LCG	9.07	GIẢM	GIẢM		9.61				10.40	
LIX	40.30	GIẢM	GIẢM		42.50				46.33	
LPB	10.20	GIẢM	GIẢM		11.29				14.25	
LSS	7.25	GIẢM	GIẢM		7.93				9.08	
MSN	74.20	GIẢM	GIẢM		79.10				97.17	
MWG	104.90	GIẢM	TĂNG		111.87			121.00	104.78	-13.31%
NKG	13.70	GIẢM	GIẢM		15.24				18.17	
NLG	28.95	GIẢM	GIẢM		29.68				31.83	
NT2	30.30	TĂNG	GIẢM	29.80	28.60	1.68%			31.66	
NTL	9.31	GIẢM	TĂNG		9.88			10.45	8.94	-10.91%
NTP	43.00	GIẢM	GIẢM		45.96				56.63	
PAC	38.50	TĂNG	GIẢM	42.50	38.23	-9.41%			42.18	
PC1	32.90	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	1.86%			34.50	
PDR	25.50	GIẢM	GIẢM		27.22				33.68	
PGC	14.35	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	0.00%			15.72	
PHR	20.25	GIẢM	GIẢM		20.56				25.95	
PLC	16.20	GIẢM	GIẢM		16.94				19.08	
PLX	55.00	GIẢM	GIẢM		59.21				71.25	
PNJ	85.50	GIẢM	GIẢM		89.12				119.11	
POW	11.70	GIẢM	TĂNG		12.79					
PPC	16.95	GIẢM	GIẢM		17.93				19.21	
PTB	55.40	GIẢM	GIẢM		59.02				67.24	
PVD	12.80	GIẢM	GIẢM		13.88				17.61	
PVI	28.80	GIẢM	GIẢM		29.82				34.16	
PVS	15.90	GIẢM	GIẢM		17.28				21.86	
PXS	4.90	GIẢM	GIẢM		5.09				6.43	
RAL	91.30	GIẢM	GIẢM		101.75				118.45	
REE	30.65	GIẢM	GIẢM		31.64				36.36	
SAB	220.00	GIẢM	TĂNG		232.56			252.40	207.41	-12.84%
SAM	6.80	GIẢM	GIẢM		7.12				7.88	
SBV	27.60	GIẢM	GIẢM		28.62				31.14	
SCR	8.16	GIẢM	GIẢM		8.60				11.11	



We Create Fortune

SHI	6.50	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-7.14%		6.99	5.88	-7.01%	
SJS	17.60	GIẢM	GIẢM		19.53				24.76		
SKG	18.30	GIẢM	GIẢM		19.79			20.60	19.70	-4.35%	BÁN
SSI	27.65	GIẢM	GIẢM		29.51				57.67		
STB	10.40	GIẢM	GIẢM		10.96				13.83		
SVC	43.90	GIẢM	GIẢM		46.21				51.89		
TCM	17.20	GIẢM	GIẢM		18.38				22.70		
TDH	13.00	GIẢM	GIẢM		14.28				15.78		
TLH	7.90	GIẢM	GIẢM		8.48				9.84		
TMT	6.60	GIẢM	GIẢM		7.42				8.98		
TNG	10.20	GIẢM	GIẢM		10.68				12.06		
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		11.90				13.44		
VCB	53.10	GIẢM	GIẢM		57.92				64.41		
VFG	37.80	GIẢM	TĂNG		40.26			44.69	33.47	-15.42%	
VGC	16.20	GIẢM	GIẢM		21.02				26.55		
VIB	23.90	GIẢM	GIẢM		26.25				34.84		
VIC	103.00	GIẢM	GIẢM		110.19				109.53		
VIP	6.70	GIẢM	GIẢM		6.99			6.71	6.82	1.52%	BÁN
VJC	133.50	GIẢM	GIẢM		142.24				154.12		
VKC	6.10	GIẢM	TĂNG		6.46			6.80	5.68	-10.29%	
VNM	167.00	GIẢM	GIẢM		173.80				184.77		
VPB	27.80	GIẢM	GIẢM		28.96				33.19		
VRC	15.90	GIẢM	GIẢM		17.17				19.26		
VRE	36.30	GIẢM	GIẢM		40.29				48.95		
VSC	32.45	GIẢM	TĂNG		35.57			35.30	29.50	-8.07%	
VSH	17.00	GIẢM	TĂNG		17.38			17.40	16.36	-2.30%	



We Create Fortune

**Sàn GDCK TPHCM (HSX)**

	Điểm	Chg%
VNI	911.12	(0.44)
VN30	897.96	(0.09)
VN Mid	892.16	(0.30)
VN Small	784.71	(0.32)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	665.92	
Bán	746.32	
GT ròng	(80.40)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DGW	1,100	5.1%
CII	1,250	4.9%
PHR	750	3.8%
PNJ	3,000	3.6%
DPM	550	3.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPG	(3,200)	-7.0%
NVT	(440)	-6.9%
DXG	(1,500)	-6.6%
KSB	(1,350)	-4.0%
HDC	(450)	-3.4%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	328,738	
VHM	297,437	
VNM	242,358	
VCB	191,042	
GAS	153,116	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	7.28	6.53
CTG	4.74	5.25
DXG	4.45	4.22
HAG	3.63	5.27
BID	3.61	3.21

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK Hà Nội (HSX)**

	Điểm	Chg%
HNI	101.62	0.86
HN30	179.07	0.08
VNX AllSh	1,276.55	0.06

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	38.55	
Bán	28.04	
GT ròng	10.51	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACB	900	2.7%
CEO	200	1.7%
PVI	300	1.1%
MBS	100	0.6%
VC3	100	0.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGC	(500)	-3.0%
SHB	(100)	-1.3%
PVS	(100)	-0.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,764	
VCS	13,440	
SHB	9,144	
VGC	7,263	
PVS	7,103	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	5.26	7.07
ACB	3.24	4.90
VGC	2.65	2.70
DS3	1.48	0.57
PVS	1.24	3.73

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)**

	Điểm	Chg%
UPCoM	49.55	0.48

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	20.19	
Bán	43.00	
GT ròng	(22.81)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIB	1,100	4.6%
QNS	1,500	4.0%
ACV	1,000	1.2%
HVN	300	1.0%
LPB	100	1.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	(800)	-5.0%
NAW	(500)	-2.9%
OIL	(400)	-2.7%
POW	(100)	-0.9%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,056	
BSR	46,818	
MCH	46,369	
HVN	37,673	
GVR	34,000	

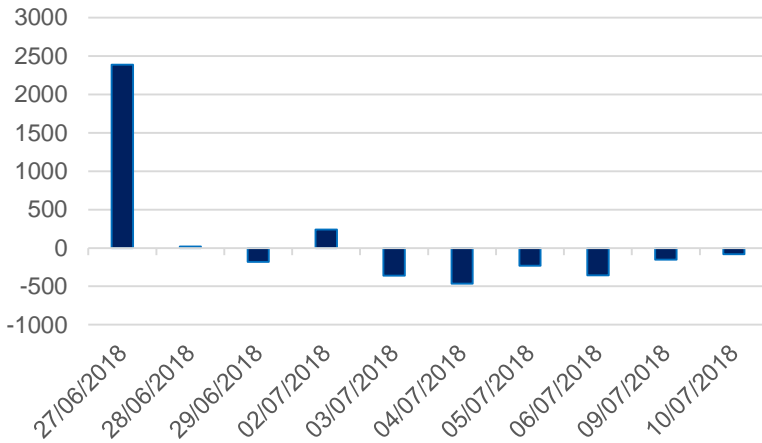
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
ART	2.63	0.28
BSR	2.21	1.12
POW	0.85	1.09
PXL	0.80	0.13
OIL	0.77	0.72

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

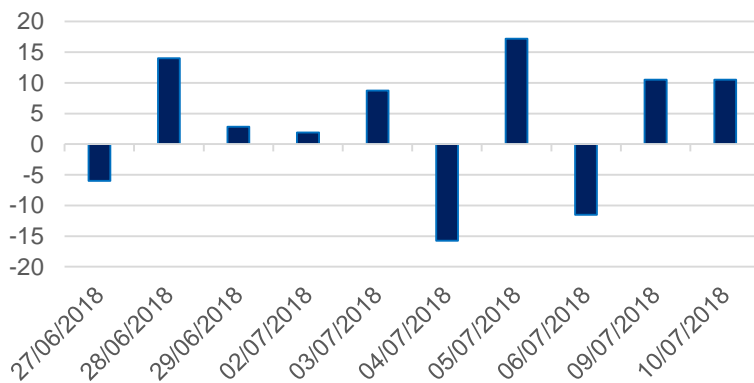
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VJC	20,624.80	VIC	-43,052.83
CTD	10,085.16	VHM	-20,237.46
NT2	9,572.44	MSN	-14,460.12
VCI	7,663.31	NVL	-12,788.58
HPG	7,376.37	CII	-9,827.89

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

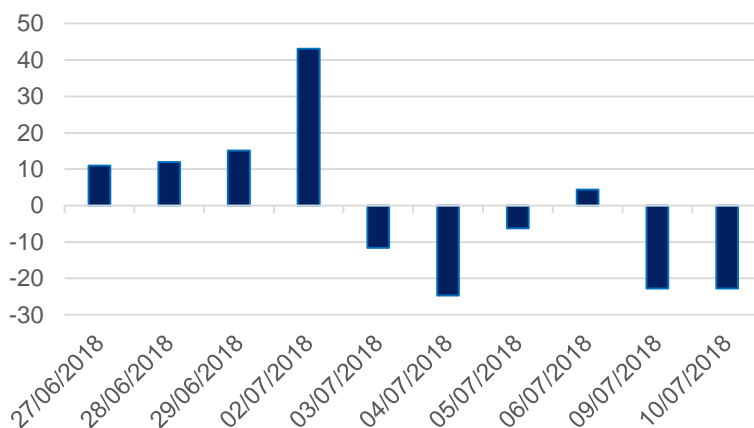
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
DL1	11,502.55	HMH	-2,869.76
VGC	3,188.95	PVS	-790.34
SHS	930.23	LAS	-641.82
SHB	607.68	TV3	-410.81
TV2	285.58	TAG	-174.5

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
KDF	20,760.80	BSR	-17,060.84
ACV	1,606.30	OIL	-5,937.86
HVN	288.31	POW	-1,723.16
GEG	102.75	ART	-483.74
BBT	101.85	LPB	-445.01

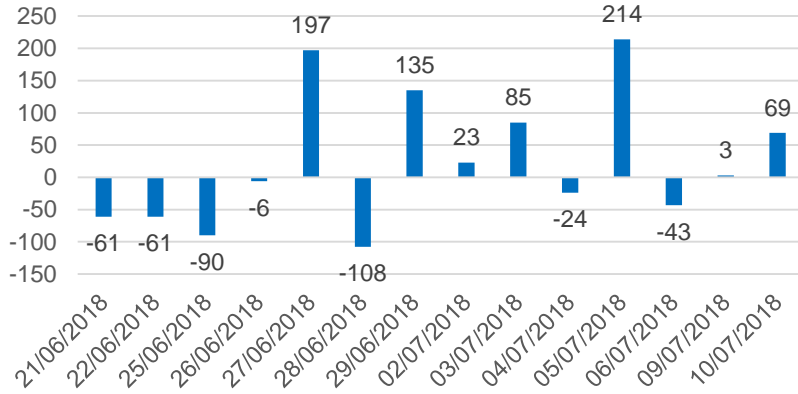
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

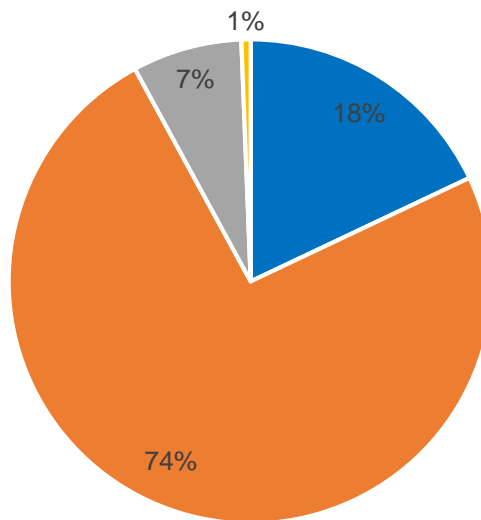


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
<b>VIC</b>	37,710	<b>E1VFN30</b>	10,394
<b>KBC</b>	15,553	<b>VPB</b>	3,315
<b>MSN</b>	11,998	<b>CTD</b>	3,209
<b>E1VFN30</b>	7,916	<b>VIC</b>	1,527
<b>HPG</b>	4,618	<b>VNM</b>	1,324

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



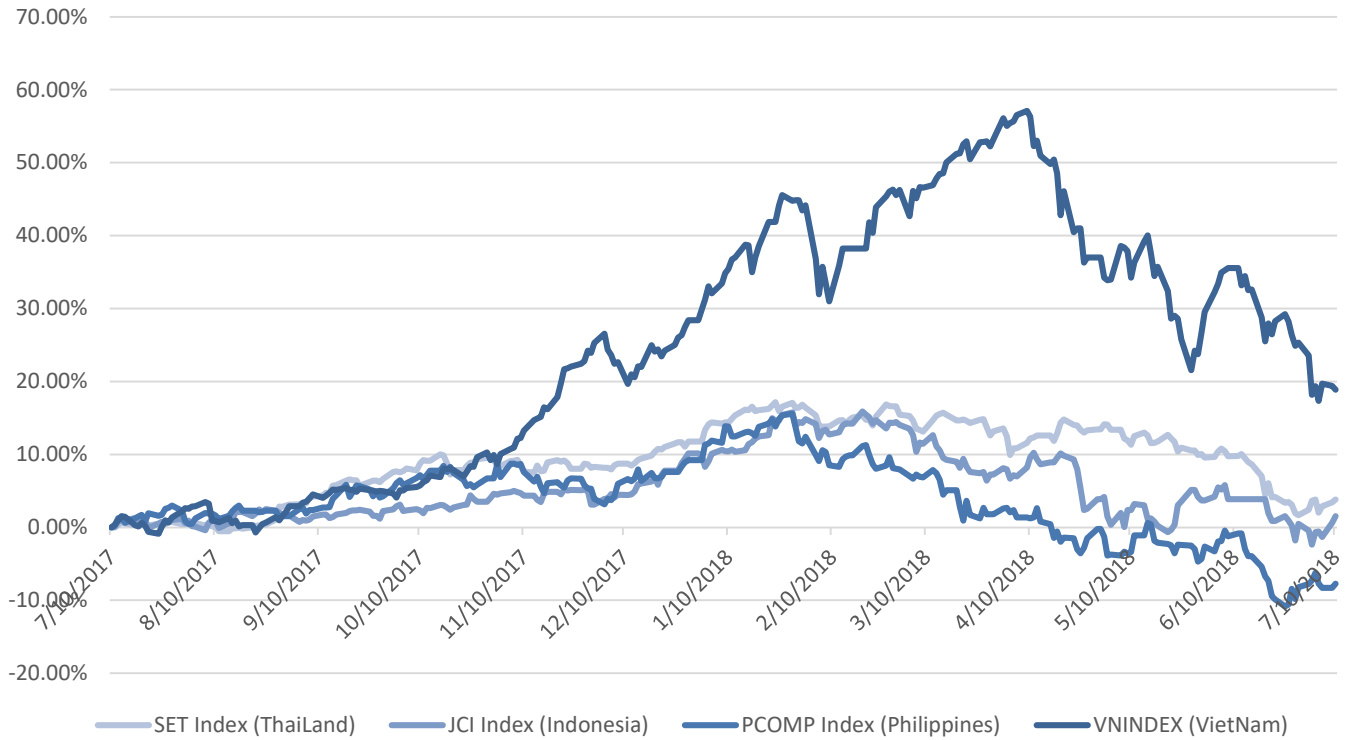
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

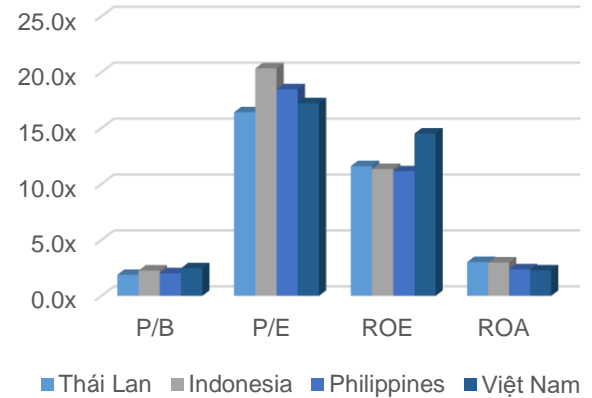
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.3x	2.0x	2.5x
P/E		16.4x	20.3x	18.5x	17.2x
ROE	%	11.60	11.34	11.14	14.51
ROA	%	3.03	2.99	2.37	2.28
Vốn hóa	Tỷ USD	493.09	455.82	167.77	126.14
GTGD	Triệu USD	1.13	0.36	0.05	0.10
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.74	2.30

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written